

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021**

(Cập nhật, điều chỉnh ngày 29/10/2021. Đề án được điều chỉnh Mục 4 về “Tuyển sinh đào tạo đặt hàng cho phù hợp với điều kiện thực tế. Các Mục khác không thay đổi)



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DTY:	Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên (mã trường)
THPT:	Trung học phổ thông
TK:	Tài khoản
TC:	Trung cấp
ĐH:	Đại học
ĐKXT:	Đăng ký xét tuyển
ĐTBmh:	Điểm trung bình môn học

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG

(tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mạng, địa chỉ của Trường

- Tên trường: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Mã trường: DTY.
- Sứ mạng: "Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên có sứ mạng đào tạo cán bộ y tế trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế; cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân các dân tộc khu vực trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước".
- Địa chỉ trụ sở: số 284, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Địa chỉ trang Web: www.tump.edu.vn hoặc <http://tuyensinh.tump.edu.vn>.
- Email tuyển sinh: tuyensinhDTY@tump.edu.vn.
- Fanpage tuyển sinh: Tuyển sinh Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Số TK: 39010000862179; Mở tại: Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thái Nguyên.
- Tên TK: Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2020

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Khối ngành VI (người học)
1	Sau đại học	
1.1	Tiến sĩ	
1.1.1	Nội khoa	5
1.1.2	Nhi khoa	3
1.1.3	Y tế công cộng	14
1.2	Thạc sĩ	148
1.2.1	Nội khoa	8
1.2.2	Ngoại khoa	2
1.2.3	Nhi khoa	29
1.2.4	Y học dự phòng	33
2	Đại học	
2.1	Chính quy	
2.1.1.	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên	
2.1.1.1	Ngành Y khoa	2833
2.1.1.2	Ngành Răng-Hàm-Mặt	264
2.1.1.3	Ngành Y học dự phòng	239
2.1.1.4	Ngành Dược học	926
2.1.1.5	Ngành Điều dưỡng	792
2.1.1.6	Ngành kỹ thuật xét nghiệm y học	196

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Khối ngành VI (người học)
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH	
2.2.1	<i>Ngành Y khoa</i>	376
2.2.2	<i>Ngành Dược học</i>	49
II	Vừa làm vừa học	
1	Đại học	
1.1	Vừa làm vừa học	
1.1.1	<i>Ngành....</i>	
1.2	Liên thông từ TC lên ĐH	
1.2.1	<i>Ngành Điều dưỡng</i>	265
1.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH	
1.3.1	<i>Ngành Điều dưỡng</i>	614

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. *Phương thức tuyển sinh*: xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.

3.2. *Điểm trúng tuyển* (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành VI						
Y khoa	400	400	23,60	550	560	26,40
Dược học	200	204	21,70	240	286	24,85
Răng - Hàm - Mặt	30	35	23,40	70	75	26,25
Y học dự phòng	50	17	18,00	50	71	20,90
Điều dưỡng	200	210	19,45	300	302	21,00
Kỹ thuật xét nghiệm y học	50	52	21,00	60	57	24,25
Tổng	930	918		1270	1351	

CHƯƠNG II

THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. *Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá*

- Tổng diện tích đất của trường: 10.8 ha.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 592 chỗ.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường:

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	144	25838
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	900
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	700

1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	50	13134
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	200
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	86	10904
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1365
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	34	8993

1.2. *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị* (Phụ lục 01)

1.3. *Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện* (Phụ lục 02)

1.4. *Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học* (Phụ lục 03)

1.5. *Danh sách giảng viên thỉnh giảng* (Phụ lục 04)

CHƯƠNG III CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2021 Mục 1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

I. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

II. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành, số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất
1	7720101	Y khoa	116/CP	23/7/1968	Bộ GD&ĐT	1968	2020
2	7720201	Dược học	4445/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/8/2003	Bộ GD&ĐT	2003	2020
3	7720301	Điều dưỡng	4445/QĐ/BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/8/2003	Bộ GD&ĐT	2003	2020
4	7720501	Răng - Hàm - Mặt	960/QĐ-ĐT	28/12/2007	ĐHTN	2007	2020
5	7720110	Y học dự phòng	911/QĐ-ĐT	28/12/2006	ĐHTN	2006	2020
6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	716/QĐ-ĐHTN	26/4/2017	ĐHTN	2017	2020
7	7720302	Hộ sinh	1245/QĐ-BGDĐT	09/4/2021	Bộ GD&ĐT	2021	

III. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở THPT.

1. Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021

1.1. Đối tượng xét tuyển

Thí sinh học tại các trường THPT trong toàn quốc, tốt nghiệp THPT; bảo đảm ngưỡng điểm đầu vào xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

Lưu ý: thí sinh là người khuyết tật đã được cấp có thẩm quyền công nhận có thể liên hệ với Nhà trường để được tư vấn lựa chọn ngành học phù hợp trước khi đăng ký dự tuyển.

1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển, tiêu chí phụ và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
1	7720101	Y khoa	600	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
2	7720201	Dược học	200	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Toán
3	7720110	Y học dự phòng	30	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
4	7720501	Răng - Hàm - Mặt	60	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
5	7720301	Điều dưỡng	250	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
7	7720302	Hộ sinh	25	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán

- Tiêu chí phụ¹: sử dụng môn chính làm tiêu chí phụ.

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.

¹ Thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thi lấy điểm trung bình môn Toán làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

- Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển sinh năm 2021.

1.2. Tổ chức tuyển sinh: theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Chính sách ưu tiên

(1) Chính sách ưu tiên theo khu vực, đối tượng và khung điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Các đối tượng được xét tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT.

b) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh.

c) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào các ngành Y khoa; Răng Hàm Mặt; Y học dự phòng; Điều dưỡng; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Hộ sinh. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa học, Vật lý, Tiếng Anh đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào ngành Dược học.

d) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh; đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung đề tài phù hợp với ngành tuyển sinh và đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào các ngành Y học dự phòng; Điều dưỡng; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Hộ sinh.

Chú ý cho mục c và d: Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế, đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT để xét tuyển thẳng tại Trường.

e) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại trường: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học.

Thí sinh xem chi tiết “Thông báo tuyển sinh Lư học sinh” tại website của Trường.

(3) Thời gian, hình thức, thành phần hồ sơ xét tuyển thẳng: thực hiện theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện ĐKXT: được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.5. **Lệ phí xét tuyển:** 25.000đ/nguyên vọng.

2. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở THPT

2.1 **Đối tượng xét tuyển:** thí sinh học tại các trường THPT trong toàn quốc, hoàn thành chương trình lớp 12 bậc THPT năm 2021, tốt nghiệp THPT năm 2021; bảo đảm ngưỡng điểm đầu vào xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Y - Dược, ĐHTN.

2.1. **Chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn để xét tuyển, tiêu chí phụ và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp**

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
1	7720101	Y khoa	200	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
2	7720201	Dược học	40	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Toán
3	7720110	Y học dự phòng	30	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
4	7720501	Răng - Hàm - Mặt	20	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
5	7720301	Điều dưỡng	150	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán
7	7720302	Hộ sinh	25	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
				D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Toán
				D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Toán

- Tiêu chí phụ: sử dụng môn chính làm tiêu chí phụ.

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển: không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp.

2.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện ĐKXT

(1) Đối với các ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, thí sinh phải đảm bảo đồng thời hai điều kiện:

- Học sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi;

- Tổng ĐTBmh lớp 12 của ba môn thuộc tổ hợp xét tuyển ghi trong học bạ THPT ≥ 24 điểm, trong đó không môn nào $< 7,0$ điểm.

(2) Đối với ngành Dược học: học sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi.

(3) Đối với các ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Hộ sinh: học sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên.

2.3. Ưu tiên trong xét tuyển

2.3.1. Chính sách ưu tiên theo khu vực, đối tượng và khung điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3.2. Ưu tiên xét tuyển theo quy định riêng của Trường Đại học Y - Dược, ĐHTN

Ngoài khung điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, Nhà trường quy định khung điểm cộng khuyến khích như sau:

Đối tượng 1: thí sinh đoạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc đoạt giải học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thuộc các môn trong tổ hợp môn xét tuyển; thí sinh xếp loại học lực giỏi. Khung điểm cộng khuyến khích như sau:

Thành tích học tập	Điểm cộng khuyến khích (Được cộng trực tiếp vào điểm xét tuyển)
1. Đoạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia	
- Giải nhất	4,0
- Giải nhì	3,0
- Giải ba	2,0
- Giải khuyến khích	1,0
2. Đoạt giải học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương	
- Giải nhất	2,0
- Giải nhì	1,5
- Giải ba	1,0
- Giải khuyến khích	0,5
3. Học sinh giỏi cả 3 năm bậc THPT	1,0
4. Học sinh giỏi 2 năm (năm lớp 11 và năm lớp 12) bậc THPT	0,5

Lưu ý: trường hợp thí sinh đạt nhiều diện ưu tiên trong thành tích học tập thuộc bảng trên thì chỉ được hưởng điểm cộng khuyến khích một diện ưu tiên cao nhất.

Đối tượng 2: thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (còn thời hạn tính đến ngày 30/9/2021) tương đương với B1; B2; C1; C2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Khung điểm cộng khuyến khích như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC	TOEFL IBT	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests	Aptis	PTE General	Điểm cộng khuyến khích
C2	8.5 - 9.0	910+	102+	200 - 230	45-59 CPE 80-100 CAE	-	5	4,0
C1	7.0 - 8.0	850 - 905	80 - 101	180 - 199	60-79 CAE	C	4	3,0

					80-100 FCE			
B2	5.5 - 6.5	600 - 845	61 - 79	160 - 179	60-79 FCE 80-100 PET	B2	3	1,0
B1	4.0 - 5.0	450 - 595	45 - 60	140 - 159	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET	B1	2	0,5

Lưu ý: trường hợp thí sinh đồng thời vừa đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc đạt giải học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương môn Tiếng Anh vừa có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thuộc bảng trên thì chỉ được hưởng một mức điểm cộng khuyến khích cao nhất.

2.4. Tổ chức tuyển sinh: tuyển sinh 2 đợt.

2.4.1. Dự kiến thời gian tổ chức:

Đợt 1 (đã hoàn thành)		
TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Đăng ký xét tuyển	Từ 08h ngày 20/5/2021 đến 15h ngày 17/6/2021
2	Công bố kết quả xét tuyển	Trước 17h ngày 30/6/2021
3	Phúc khảo kết quả xét tuyển	Từ 01/7/2021 đến 08/7/2021
4	Xác nhận nhập học và nhập học	Từ ngày 05/8/2021 đến 17h ngày 10/8/2021
Đợt 2 (bao gồm cả thí sinh thuộc diện đặc cách tốt nghiệp THPT) - đã hoàn thành		
1	Đăng ký xét tuyển	Từ 08h ngày 20/8/2021 đến 17h ngày 31/8/2021
2	Công bố kết quả xét tuyển	Trước 17h ngày 03/9/2021
3	Phúc khảo kết quả xét tuyển	Trước 17h ngày 05/9/2021
4	Xác nhận nhập học và nhập học	Trước 17h ngày 09/9/2021

Lưu ý: Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt tiếp theo (nếu có).

2.4.2. **Điểm xét tuyển:** **Điểm xét tuyển** là tổng điểm trung bình 6 học kỳ của các môn theo tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên theo quy định riêng của Trường Đại học Y - Dược, ĐHTN và cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có).

2.4.3. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh có đủ các điều kiện và đáp ứng yêu cầu của của Trường Đại học Y - Dược, ĐHTN có quyền ĐKXT;

- Thí sinh được ĐKXT tất cả các ngành đào tạo đại học của Trường (không giới hạn số lượng nguyện vọng) và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng ngành, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo **Điểm xét tuyển**, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký. Đối với mỗi thí sinh, nếu ĐKXT vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- **Điểm xét tuyển** được làm tròn đến hai chữ số thập phân; đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình môn Toán làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn;

4.2.4. *Lệ phí xét tuyển*: 60.000đ/1 nguyện vọng xét tuyển.

2.4.5. *Các thông tin tuyển sinh đợt 2*

a) Đối tượng tuyển sinh: thí sinh học tại các trường THPT trong toàn quốc, hoàn thành chương trình lớp 12 bậc THPT năm 2021, tốt nghiệp THPT năm 2021 đặc cách tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; bảo đảm ngưỡng điểm đầu vào xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Y - Dược, ĐHTN.

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đợt 2

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
1	7720101	Y khoa	120
2	7720201	Dược học	30
3	7720110	Y học dự phòng	25
4	7720501	Răng - Hàm - Mặt	9
5	7720301	Điều dưỡng	100
6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	25
7	7720302	Hộ sinh	15

c) Điều kiện trúng tuyển: ngoài các nội dung được quy định ở các mục nêu trên, thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 2 phải đảm bảo **“Điểm xét tuyển”** bằng điểm trúng tuyển đợt 1. Cụ thể:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển đợt 1
1	7720101	Y khoa	B00, D07, D08	29,71
2	7720201	Dược học	B00, D07, A00	29,47
3	7720110	Y học dự phòng	B00, D07, D08	27,52
4	7720501	Răng - Hàm - Mặt	B00, D07, D08	29,72
5	7720301	Điều dưỡng	B00, D07, D08	25,85
6	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00, D07, D08	28,78
7	7720302	Hộ sinh	B00, D07, D08	24,81

5. Học phí dự kiến

- Học phí năm học 2021-2022: 1.430.000 đồng/tháng/người.

Chi phí đào tạo những năm tiếp theo sẽ thực hiện theo quy định mới của Nhà nước.

6. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp được khảo sát gần nhất)

Năm	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
		ĐH	ĐH	ĐH	ĐH

Năm	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
		ĐH	ĐH	ĐH	ĐH
Khảo sát năm 2019 (Sau một năm tốt nghiệp)	Ngành Y khoa	502	540	503	81,99
	Ngành Răng-Hàm-Mặt	33	38	30	92,59
	Ngành Y học dự phòng	107	75	66	78,13
	Ngành Dược học	199	187	172	93,02
	Ngành Điều dưỡng	100	80	74	100,0
	Tổng	941	920	845	89,15
Khảo sát năm 2020 (Sau 6 tháng tốt nghiệp)	Ngành Y khoa	753	737	624	95,93
	Ngành Răng - Hàm - Mặt	44	45	38	100
	Ngành Y học dự phòng	107	117	103	85,29
	Ngành Dược học	123	108	94	97,78
	Ngành Điều dưỡng	121	87	66	93,85
	Tổng	1148	1094	925	94,84

7. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 115.724.118.435 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên chính quy/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 14.300.000.000 đồng.

Mục 2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. Tuyển sinh đào tạo liên thông cao đẳng lên trình độ đại học

1. **Phạm vi tuyển sinh:** tuyển sinh trong cả nước.

2. **Ngành tuyển sinh:** Dược học.

3. **Đối tượng tuyển sinh:** người đã có bằng cao đẳng Dược.

4. **Phương thức tuyển sinh:** xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở THPT.

5. **Thời gian tổ chức (đã hoàn thành)**

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Đợt 1			
1	Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	Từ 08h ngày 20/5/2021 đến 15h ngày 17/6/2021	
2	Công bố kết quả xét tuyển	Trước ngày 15/8/2021	
3	Phúc khảo kết quả xét tuyển	Từ 16/8/2021 đến 23/8/2021	
4	Nhập học	Trước ngày 30/9/2021	
Đợt 2: Dự kiến trước 25/12 (nếu có).			

6. Các thông tin xét tuyển

6.1. **Điểm xét tuyển (ĐXT):** Là tổng điểm trung bình chung của điểm trung bình cả năm lớp 10, 11, 12 các môn thuộc tổ hợp xét tuyển; cộng với điểm ưu tiên khu vực và cộng điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

6.2. Bảng danh mục ngành, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp, ngưỡng điểm điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
1	7720201	Dược học	90	Toán, Vật lý, Hóa học	Đạt một trong các tiêu chí sau: 1. Học lực lớp 12 đạt loại giỏi; 2. Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên; 3. Tốt nghiệp THPT loại giỏi; 4. Học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo; 5. Tốt nghiệp trình độ cao đẳng Dược đạt loại giỏi; 6. Tốt nghiệp trình độ cao đẳng Dược đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo.

6.3. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh có đủ các điều kiện và đáp ứng yêu cầu của trường có quyền ĐKXT;
- Xét tuyển lần lượt điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình chung của điểm trung bình môn Toán cả 3 năm lớp 10, 11, 12 làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt tiếp theo (nếu có).

6.4. Lệ phí xét tuyển: 300.000đ/hồ sơ.

6.5. Mức thu chi phí đào tạo

- Học phí năm học 2021-2022: 1.430.000 đồng/tháng/người.

- Kinh phí đào tạo: 900.000 đồng/tháng/người.

Chi phí đào tạo những năm tiếp theo sẽ thực hiện theo quy định mới của Nhà nước.

Lưu ý: Chi phí đào tạo có thể thay đổi khi có Quy định mới của Nhà nước.

II. Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên

1. **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

2. **Ngành tuyển sinh:** Y khoa; Răng - Hàm - Mặt.

3. **Đối tượng tuyển sinh:** Người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên thuộc nhóm ngành sức khỏe.

4. **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở THPT.

5. **Thời gian tổ chức**

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Đợt 1 (đã hoàn thành)			
1	Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	Từ 08h ngày 20/5/2021 đến 15h ngày 17/6/2021	
2	Công bố kết quả xét tuyển	Trước ngày 15/8/2021	
3	Phúc khảo kết quả xét tuyển	Từ 16/8/2021 đến 23/8/2021	
4	Nhập học	Trước ngày 30/9/2021	
Đợt 2: Dự kiến trước 25/12 (nếu có).			

6. Các thông tin xét tuyển

6.1. **Điểm xét tuyển:** là tổng điểm trung bình chung của điểm trung bình cả 3 năm lớp 10, 11, 12 các môn thuộc tổ hợp xét tuyển; cộng với điểm ưu tiên khu vực và cộng điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

6.2. **Bảng danh mục ngành, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp, ngưỡng điểm điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển**

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
1	7720101	Y khoa	20	Toán, Hóa học, Sinh học	Đạt một trong các tiêu chí sau: 1. Học lực lớp 12 đạt loại giỏi; 2. Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên; 3. Tốt nghiệp THPT loại giỏi; 4. Học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo; 5. Tốt nghiệp trình độ đại học đạt loại giỏi; 6. Tốt nghiệp trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo.
2	7720501	Răng - Hàm - Mặt	10	Toán, Hóa học, Sinh học	

6.3. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh có đủ các điều kiện và đáp ứng yêu cầu của trường có quyền ĐKXT.

- Xét tuyển lần lượt điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình chung của điểm trung bình môn Toán cả 3 năm lớp 10, 11, 12 làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt tiếp theo (nếu có).

6.4. **Lệ phí xét tuyển:** 300.000đ/hồ sơ.

6.5. **Mức thu chi phí đào tạo**

- Học phí năm học 2021-2022: 1.430.000 đồng/tháng/người.

- Kinh phí đào tạo: 900.000 đồng/tháng/người.

Chi phí đào tạo những năm tiếp theo sẽ thực hiện theo quy định mới của Nhà nước.

Mục 3. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

2. Ngành tuyển sinh: Điều dưỡng; Kỹ thuật xét nghiệm y học.

3. Đối tượng tuyển sinh: người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng điều dưỡng, xét nghiệm phù hợp với ngành dự tuyển.

4. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở THPT.

5. Các thông tin xét tuyển

5.1. Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển; cộng với điểm ưu tiên khu vực và cộng điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

5.2. Bảng danh mục ngành, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp, ngưỡng điểm điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển (đợt 1)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
1	7720301	Điều dưỡng	570	Toán, Hóa, Sinh	Đạt một trong các tiêu chí sau: 1. Học lực lớp 12 xếp loại khá; 2. Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên; 3. Tốt nghiệp THPT loại khá; 4. Học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo;
2	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	50	Toán, Hóa, Sinh	5. Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc cao đẳng đạt loại khá; 6. Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc cao đẳng đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng chuyên môn đào tạo.

5.3. Nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh có đủ các điều kiện và đáp ứng yêu cầu của Trường có quyền ĐKXT.

- Xét tuyển lần lượt điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng theo chỉ tiêu của ngành xét tuyển.

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình môn Toán làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt tiếp theo (nếu có).

5.4. Lệ phí xét tuyển: 300.000đ/hồ sơ.

5.5. Mức thu chi phí đào tạo

- Học phí năm học 2021-2022: 1.430.000 đồng/tháng/người.
- Kinh phí đào tạo: 900.000 đồng/tháng/người.

Chi phí đào tạo những năm tiếp theo sẽ thực hiện theo quy định mới của Nhà nước.

6. Thời gian tổ chức

Đợt 1 (đã hoàn thành)			
TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	Từ 20/5/2021 đến 30/6/2021	
2	Công bố kết quả xét tuyển	Trước 17h ngày 10/7/2021	
4	Nhập học	Từ 28/8/2021 đến 29/8/2021	
Đợt 2 (đang thực hiện)			
1	Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển	Từ 01/10/2021 đến 29/10/2021	
2	Công bố kết quả xét tuyển	Trước 17h ngày 10/12/2021	
3	Phúc khảo kết quả xét tuyển	Trước 17h ngày 15/12/2021	
4	Xác nhận nhập học và nhập học	Trước 17h ngày 20/12/2021	
Các đợt bổ sung (nếu có): dự kiến thông báo trước 15/12			

Mục 4. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Ngành tuyển sinh: Y khoa (*mã ngành 7720101*).

2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

3. Đối tượng tuyển sinh²:

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp y sĩ và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào. Cụ thể, thí sinh phải đạt một trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại giỏi;
- Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại giỏi hoặc có học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp đạt loại giỏi;
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 200

5. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở THPT.

6. Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình chung của điểm trung bình cả 3 năm lớp 10, 11, 12 của các môn Toán, Hóa học, Sinh học; cộng với điểm ưu tiên khu vực và cộng điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

7. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Căn cứ điểm xét tuyển của thí sinh, Nhà trường tổ chức xét tuyển đảm bảo tính công bằng (*lấy kết quả từ cao xuống thấp*). Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì lấy điểm trung bình chung của điểm trung bình môn Toán cả 3 năm lớp 10, 11, 12 làm tiêu chí phụ xét từ cao xuống thấp.

- Điểm trúng tuyển và danh sách trúng tuyển được công bố công khai trên Website của Trường theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong các đợt tiếp theo (nếu có).

8. Hồ sơ đăng ký xét tuyển³

1/ Phiếu đăng ký xét tuyển (thí sinh điền đầy đủ thông tin, ký ghi rõ họ tên, dán ảnh) có xác nhận của các bên theo đúng mẫu của Trường. Thí sinh đang công

² Đối tượng nộp hồ sơ gồm: (i) Thí sinh ĐKXT theo nguyện vọng cá nhân; (ii) Thí sinh đang công tác tại các cơ sở y tế công lập, dân lập; (iii) Thí sinh do các chủ thể đặt hàng với nhà trường (*UBND tỉnh, các tổ chức, đơn vị đủ tư cách pháp lý*) và cam kết sử dụng sinh viên tốt nghiệp thực hiện theo hợp đồng giữa chủ thể và Nhà trường, không trái với quy định của pháp luật.

³ Thí sinh ĐKXT của chủ thể đặt hàng, Nhà trường nhận hồ sơ qua chủ thể đặt hàng. Các thí sinh khác nộp hồ sơ ĐKXT trực tiếp tại Trường. Nhà trường không thu hồ sơ ĐKXT theo đường bưu điện.

tác, cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận. Thí sinh tự do, địa phương nơi cư trú xác nhận. Đối với hồ sơ do chủ thể đặt hàng cung cấp, cần có xác nhận của chủ thể đặt hàng;

- 2/ Bằng tốt nghiệp Y sĩ (bản sao có chứng thực);
- 3/ Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
- 4/ Học bạ THPT (bản sao có chứng thực);
- 5/ Bản sao Giấy khai sinh (bản sao từ bản gốc);
- 6/ Các minh chứng quá trình công tác (bản sao có chứng thực);
- 7/ Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền cấp nếu có (bản sao có chứng thực).

9. Hình thức và thời gian đào tạo

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chương trình đào tạo ngành Y khoa hệ chính quy.
- Thời gian thiết kế chương trình chuẩn là 6 năm. Sau khi trúng tuyển và là sinh viên chính thức của trường, sinh viên sẽ được Nhà trường xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ trên cơ sở đối chiếu, so sánh về chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, khối lượng học tập, phương pháp đánh giá và kết quả học tập của người học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

10. Lệ phí xét tuyển: 300.000đ/hồ sơ.

11. Mức thu chi phí đào tạo

- Học phí năm học 2021-2022: 1.430.000 đồng/tháng/người.
- Kinh phí đào tạo: 900.000 đồng/tháng/người.

Chi phí đào tạo những năm tiếp theo sẽ thực hiện theo quy định mới của Nhà nước.

12. Thời gian tổ chức tuyển sinh

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Phát hành và tiếp nhận hồ sơ	Trước 20/12/2021
2	Công bố trúng tuyển	Trước 25/12/2021
3	Ký hợp đồng đào tạo đặt hàng với chủ thể (nếu có)	Trước 30/12/2021
4	Nhập học	Trước 30/12/2021

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Cán bộ kê khai

Họ tên: Ngô Thị Thanh Loan
 Điện thoại: 0888278799
 Email: thanhloandhydtn@gmail.com



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng